TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

2. Bà Huỳnh Thị Giang.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần T N, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hà T H, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng*:

3.1 Ông Trần V B, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.2 Bà Nguyễn T C, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại

phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần T N, trình bày: Chị và anh H cưới nhau năm 2012, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Sau khi cưới thì sống bên gia đình nhà chị. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng Tết nguyên đán năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống về chuyện tiền bạc, anh H thường xuyên uống rượu say, mỗi lần uống rượu thì kiếm chuyện, đánh chị. Khoảng 01 tháng trước, chị có nhắn tin hỏi thăm qua lại với đồng nghiệp cũ lúc trước làm cùng Công ty nhưng anh H ghen tuông, chị có giải thích nhưng anh H không lắng nghe mà còn đánh chị. Anh H đưa cho chị mỗi tháng có 1.000.000đ trong khi chị phải lo chi tiêu hết trong gia đình nhưng anh H lại nói chị không cho con chung ăn, để tiền cho trai. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Tuy vợ chồng mâu thuẫn nhưng chị và anh H vẫn sống chung nhà, nhưng không ai nói chuyện với ai, không ăn cơm chung, không ngủ chung. Tại phiên tòa chị N trình bày, anh H đã đi làm ở Bình Dương cách nay được 01 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Bị đơn anh Hà T H, trình bày: Anh và chị N cưới nhau không nhớ năm, chỉ nhớ cưới nhau 01 năm sau thì chị N sinh con chung Hà H T. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT. Sau khi cưới thì sống bên gia đình nhà vợ. Cuộc sống lúc đầu hạnh phúc. Tháng 4 năm 2021 thì anh có cho người anh của anh mượn tiền, nhưng người đó lâu trả lại, chị N bức rức nên vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh có nói chuyện lớn tiếng với chị N nhưng không có đánh chị N, hiện tại người đó đã trả tiền anh rồi. Cách đây 01 tuần thì vợ chồng có cãi nhau nguyên nhân do anh thấy chị N nhắn tin với người đàn ông khác, anh có hỏi chị N là ai thì chị N nói là bạn của chị N, do anh không biết chữ nên không biết chị N và người đàn ông đó nói chuyện gì, lúc đó anh có uống rượu, anh ghen tuông, nóng giận nên anh có đánh chị N một bạt tay nhưng chưa trúng mặt thì bị chị N đạp ra. Sau hôm đó, chị N liên tục đòi ly hôn với anh, anh năn nỉ nhiều lần nhưng không được. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Hiện tại vợ chồng anh vẫn sống chung nhà, nhưng chị N không nói chuyện với anh, không ăn cơm chung, không ngủ chung, chị N không quan tâm đến anh. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị N.

2. Về việc nuôi con: Chị Trần T N và anh Hà T H thống nhất, trình bày: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Hà H T, sinh ngày 06/11/2012 và Hà T S, sinh

ngày 11/9/2017, chị N thống nhất giao hai con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại hai con chung vẫn sống cùng anh H và chị N. Chị N trình bày: Chị ở nhà làm nội trợ và cấy lúa thuê, không có công việc ổn định, tới mùa lúa mới có người thuê, mỗi ngày làm thuê được 120.000đ. Còn anh H thì làm thợ hồ, công việc cũng không ổn định, trung bình mỗi ngày kiếm được khoảng 350.000đ, một tháng anh H đi làm được mười mấy, hai mươi ngày. Hàng ngày việc ăn uống, tắm rửa cho con chung là do chị làm, anh H không phụ tiếp vì đi làm từ sáng tới chiều mới về, lúc nào anh H không đi làm thì cũng có phụ chị làm việc nhà. Anh H trình bày: Hiện tại anh làm thuê công việc chính là bắt cá tra cho Công ty V H, sáng đi làm chiều về nhà, thu nhập hàng tháng trừ tiền chi tiêu cá nhân dư lại 4.000.000đ-5.000.000đ, mỗi tháng anh đều đưa hết tiền cho chị N nuôi con. Chị N ở nhà làm nội trợ, chăm sóc con chung, nếu có ai thuê làm cỏ thì làm, thu nhập không ổn định, mỗi tháng kiếm được 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng. Hàng ngày việc ăn uống, tắm rửa cho con anh là do chị N làm, khi nào anh có ở nhà thì anh có phụ tiếp chị N.

3. Về chia tài sản chung: Chị Trần T N trình bày chị và anh H có 10 chỉ vàng 18kra nhưng chị đã giao lại cho anh H sở hữu nên chị không tranh chấp về tài sản chung. Về tài sản chung chị N và anh Hà T H tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N, anh H thống nhất trình bày: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 người làm chứng ông Trần V B, trình bày: Ông là cha ruột chị N, cha vợ anh H. Không nhớ chị N, anh H cưới nhau khi nào, cũng không nhớ bao nhiêu năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN. Do chị N và anh H quen biết nhau nên hai gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới thì vợ chồng chị N sống chung với gia đình ông, vợ chồng chị N có mâu thuẫn gì dẫn đến ly hôn thì ông không biết, vì thường xuyên đi làm, chỉ biết vợ chồng chị N có cự cãi nhau, cũng không rõ cự cãi nhau chuyện gì, chỉ có lần anh H nói với ông là chị N nhắn tin với người khác, chị N còn nói với anh H là "mày có bạn gái tao không có bạn trai sao" rồi hai bên cự cãi, còn có đánh nhau hay không thì ông không hay biết. Ngoài ra, không biết gì khác. Hai con chung của

chị N anh H là Hà H T và Hà T S hiện đang ở chung cùng gia đình ông, hàng ngày chị N là người chăm sóc con chung khi anh H đi làm, anh H đi làm đưa tiền cho chị N hàng ngày để chi tiêu trong gia đình. Nếu Tòa án cho chị N ly hôn thì ông cũng không cho ai nuôi hai cháu ngoại của ông, vợ chồng ông sẽ nuôi cháu. Tài sản chung: Anh H mua cho chị N một bộ vòng 18kra, không biết trọng lượng bao nhiêu, chị N không đeo trả lại nên anh H đưa lại cho người chị vợ là Trần T N giữ. Ngoài ra, vợ chồng chị N không còn tài sản nào khác, chị N và anh H không có thiếu nợ ai. Ông không muốn anh H, chị N ly hôn, gia đình đã khuyên chị N rất nhiều lần về chuyện ly hôn với anh H nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 người làm chứng bà Nguyễn T C, trình bày: Bà là mẹ ruột của chị N, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N đó là lặt vặt trong gia đình, không lớn lắm để dẫn đến ly hôn, bà rất nhiều lần khuyên bảo, la rầy chị N. Hàng xóm cũng khuyên bảo chị N đừng ly hôn với anh H nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn. Từ khi nộp đơn khởi kiện chị N không có nấu cơm cho anh H ăn và vợ chồng chị cũng không có ngủ chung với nhau, chị N cũng ít quan tâm chăm sóc con chung. Bà không đồng ý việc chị N ly hôn với anh H, nếu chị N ly hôn với anh H thì bà không đồng ý giao hai cháu ngoại là H T và T S cho chị N nuôi dưỡng, bà có ý kiến là giao cho anh H nuôi dưỡng hai con chung, nếu giao cho anh H nuôi dưỡng con chung bà sẽ phụ tiếp anh H chăm sóc cháu ngoại. Vì chị N không có khả năng nuôi dưỡng con chung. Tài sản chung và nợ chung giữa chị N và anh H cũng không có gì. Bà có nguyện vọng chị N và anh H không ly hôn, để cùng nhau chăm sóc con chung và vợ chồng cùng làm ăn. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần T N, cho chị N được ly hôn với anh Hà T H. Về nuôi con chung: Giao con chung Hà H T, sinh ngày 06/11/2012 và con chung Hà T S, sinh ngày 11/9/2017 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần T N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Hà T H. Hiện anh H đang cư trú tại ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Hà T H và người làm chứng ông Trần V B, bà Nguyễn T C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H, ông B, bà C vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên ông B, bà C đã có lời khai với Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, ông B, bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần T N và anh Hà T H được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 13/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Trần T N là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị N, anh H đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị N, anh H đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn, chị N cho rằng không còn tình cảm với anh H, khi cha mẹ ruột chị đi làm không có ở nhà thì anh H thường xuyên chửi, dùng những lời lẽ khó nghe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh chị, anh H còn đe dọa giết chị, vợ chồng có mâu thuẫn về chuyện tiền bạc nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh H. Anh H cũng kiên quyết không đồng ý ly hôn vì còn thương chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị N, anh H đều thừa nhận khi anh, chị còn sống chung nhà với nhau nhưng không ăn cơm chung và ngủ chung cùng nhau, cha mẹ chị N rất nhiều lần khuyên bảo, động viên chị N không được ly hôn với anh H, anh H cũng nhiều lần năn nỉ chị N hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ cùng anh H phù hợp với lời khai người làm chứng ông Trần V B và bà Nguyễn T C. Đồng thời, anh H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H không đến Tòa án để tiếp tục hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N cho thấy hôn nhân giữa chị N, anh H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần T N được ly hôn với anh Hà T H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Chị Trần T N và anh Hà T H thống nhất thỏa thuận: Anh Hà T H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà H T, sinh ngày 06/11/2012 và con chung Hà T S, sinh ngày 11/9/2017. Xét, việc thỏa thuận giữa chị N, anh H là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần T N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến

[9] Về nợ chung: Chị N, anh H thống nhất trình bày anh chị chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần T N chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003892 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần T N. Cho chị Trần T N được ly hôn với anh Hà T H.

2. Về việc nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần T N và anh Hà T H.

2.1. Anh Hà T H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà H T, sinh ngày 06/11/2012 và con chung Hà T S, sinh ngày 11/9/2017.

2.2 Chị Trần T N không phải cấp dưỡng do anh H tự nguyện không yêu cầu

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần T N chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003892 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung